

Thông tư số 40/2000/TT-BTC ngày 15/5/2000 của Bộ Tài chính có hiệu lực thi hành. Các quy định trước đây trái với quy định tại Thông tư này đều bãi bỏ./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thứ trưởng

VŨ VĂN NINH

BỘ THƯƠNG MẠI

QUYẾT ĐỊNH số 1732/2000/QĐ-BTM
ngày 13/12/2000 ban hành Quy
chế về hàng hóa của Vương quốc
Campuchia quá cảnh lãnh thổ
Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt
Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

Căn cứ Hiệp định Quá cảnh hàng hóa giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia ngày 07 tháng 9 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công và đại lý mua bán hàng hóa với nước ngoài;

Sau khi tham khảo ý kiến của Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục Hải quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về hàng hóa của Vương quốc Campuchia quá cảnh lãnh thổ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Quy chế này thay thế cho Quy chế về hàng hóa của Vương quốc Campuchia quá cảnh lãnh thổ Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 1162/TM-XNK ngày 20/9/1994, Quyết định số 123/TM-XNK ngày 27/2/1995 và Quyết định số 689/TM-XNK ngày 09/8/1996 của Bộ trưởng Bộ Thương mại.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký./.

Bộ trưởng Bộ Thương mại

VŨ KHOAN

QUY CHẾ về hàng hóa của Vương quốc
Campuchia quá cảnh lãnh thổ
Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt
Nam

(ban hành kèm theo Quyết định số 1732/2000/QĐ-BTM ngày 13/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Thương mại).

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Hàng quá cảnh nêu trong Quy chế này là hàng hóa của chủ hàng Campuchia quá cảnh lãnh thổ Việt Nam để sang nước thứ ba hoặc từ nước thứ ba về Campuchia hoặc được vận chuyển quá cảnh lãnh thổ Việt Nam từ địa phương này sang địa phương khác của Campuchia.

2. Việc quá cảnh hàng hóa thuộc diện cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu (trừ việc quá cảnh gỗ và sản phẩm gỗ được quy định riêng) được quy định như sau:

2.1. Cấm quá cảnh hàng hóa mà pháp luật và tập quán quốc tế nghiêm cấm như ma túy, hóa chất độc hại, chất phóng xạ, các sản phẩm văn hóa đồi trụy hoặc phương hại tới độc lập chủ quyền và an ninh của Việt Nam; các loại thực vật và động vật quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng;

2.2. Phải được phép bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Thương mại Việt Nam trên cơ sở văn bản đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương nghiệp Vương quốc Campuchia khi quá cảnh lãnh thổ Việt Nam vũ khí đạn dược, vật liệu nổ, trang thiết bị quân sự nhằm mục đích quốc phòng và an ninh quốc gia của Campuchia;

2.3. Việc vận chuyển quá cảnh hàng hóa thuộc danh mục cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu của Việt Nam nhưng không cấm ở Campuchia được thực hiện như sau:

a) Khi hàng hóa quá cảnh bằng đường thủy qua sông Tiền (Cửu Long - sông Mê Kông) qua các cặp cửa khẩu đường thủy quy định tại mục II của Quy chế này, chủ hàng hoặc chủ phương tiện vận chuyển được chủ hàng ủy quyền hợp pháp (gọi tắt là người chuyên chở), làm thủ tục hải quan cho hàng hóa tại hải quan cửa khẩu mà không phải xin Giấy phép quá cảnh tại Bộ Thương mại.

b) Khi hàng hóa quá cảnh theo tuyến đường bộ qua các cặp cửa khẩu đường bộ quy định tại mục II của Quy chế này, chủ hàng hoặc người chuyên chở phải xin Giấy phép quá cảnh tại Bộ Thương mại (Phòng Quản lý xuất nhập khẩu thành phố Hồ Chí Minh) trên cơ sở đơn xin quá cảnh có xác nhận của Bộ Thương nghiệp Vương quốc Campuchia.

3. Việc quá cảnh gỗ và sản phẩm gỗ được thực hiện như sau:

3.1. Cấm quá cảnh gỗ tròn (gỗ cây đã hoặc chưa bóc vỏ, bỏ dác hoặc gỗ cây dạng vuông thô);

3.2. Việc vận chuyển quá cảnh gỗ xẻ chỉ được thực hiện theo Giấy phép quá cảnh của Bộ Thương mại trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Thương nghiệp Vương quốc Campuchia;

3.3. Khi vận chuyển quá cảnh các loại sản phẩm gỗ khác, chủ hàng hoặc người vận chuyển làm thủ tục khai báo đầy đủ và hợp lệ tại hải quan cửa khẩu, không phải xin Giấy phép quá cảnh.

4. Khi vận chuyển quá cảnh các loại hàng hóa khác không thuộc khoản 2, 3 mục I nêu trên theo đường bộ hoặc đường thủy, chủ hàng hoặc người chuyên chở chỉ cần làm thủ tục hải quan tại hải quan cửa khẩu mà không phải xin Giấy phép quá cảnh.

5. Hàng quá cảnh chịu sự giám sát của Hải quan Việt Nam trong suốt thời gian lưu chuyển trên lãnh thổ Việt Nam; vào và ra khỏi Việt Nam theo đúng cửa khẩu, tuyến đường quy định; số lượng, chủng loại hàng hóa xuất ra phải đúng bằng số lượng, chủng loại hàng hóa nhập vào, ở dạng nguyên đai nguyên kiện.

6. Hàng quá cảnh được phép lưu lại trên lãnh thổ Việt Nam trong thời gian tối đa là 30 ngày kể từ ngày hoàn thành thủ tục hải quan tại cửa khẩu nhập khẩu. Thời hạn này có thể được Bộ Thương mại (nếu là hàng quá cảnh theo giấy phép) hoặc Cục Hải quan tỉnh, thành phố đang giám sát lô hàng quá cảnh (nếu là hàng quá cảnh thông thường) gia hạn. Mỗi lần gia hạn không quá 30 ngày và tối đa không quá ba lần gia hạn cho một lô hàng quá cảnh.

7. Chủ hàng quá cảnh phải nộp lệ phí hải quan và các loại phí khác áp dụng cho hàng quá cảnh theo quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

8. Hàng quá cảnh không được tiêu thụ trên lãnh thổ Việt Nam; trong trường hợp đặc biệt phải được phép của Bộ trưởng Bộ Thương mại Việt Nam.

9. Thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh phương tiện vận chuyển và người áp tải; thủ tục lưu kho, lưu bãi hàng quá cảnh; thủ tục sang mạn, thay đổi phương tiện vận chuyển hàng quá cảnh được thực hiện theo hướng dẫn của Hải quan Việt Nam.

II. CỬA KHẨU QUÁ CẢNH HÀNG HÓA

Việc quá cảnh hàng hóa qua biên giới Việt Nam - Campuchia được thực hiện qua các cặp cửa khẩu sau đây:

Tên cửa khẩu phía Việt Nam	Tên cửa khẩu phía Campuchia
1. Vinh Xương - Thường Phước Sông Tiền (Cửu Long) (An Giang - Đồng Tháp)	Ca-ôm Sam-no Cốc Rô-ca Sông Mêkông (Kandal - Prây Veng)
2. Mộc Bài (Tây Ninh) Đường số 22A	Ba-vét (Svay Rieng) Đường số 1
3. Xamat (Tây Ninh) Đường số 22B	Tơ-rapeng Phơ-lơng (K.P Chàm) Đường số 7
4. Bu Porang (DacLak) Đường số 14	Ô-Reng (Mundolkiri) Đường số 14
5. Lệ Thanh (Gia Lai) Đường số 19	An-đông Pếch (Ratanak Kiri) Đường số 19
6. Bonue (Bình Phước) Đường số 13	Xnun (Kratie) Đường số 13
7. Tịnh Biên (An Giang) Đường số 2	Phnôm Đen (Takeo) Đường số 2
8. Xà Xía (Kiên Giang) Đường số 17	Lốc (Kampot) Đường số 17

III. CÁC QUY ĐỊNH VỀ GIẤY PHÉP VÀ VẬN CHUYỂN HÀNG QUÁ CẢNH

1. Việc xin Giấy phép quá cảnh và gia hạn Giấy phép quá cảnh đối với hàng quá cảnh theo giấy phép được thực hiện như sau:

- Chủ hàng quá cảnh Campuchia hoặc người chuyên chở gửi đến Bộ Thương mại văn bản đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương nghiệp Campuchia đối với hàng hóa là vũ khí đạn dược, vật liệu nổ, trang thiết bị quân sự nhằm mục đích quốc phòng và an ninh quốc gia của Campuchia và hàng hóa là gỗ xẻ.

- Chủ hàng quá cảnh hoặc người chuyên chở gửi đến Phòng Quản lý xuất nhập khẩu thành phố Hồ Chí Minh đơn xin quá cảnh hàng hóa hoặc văn bản xin gia hạn có xác nhận của Bộ Thương nghiệp Campuchia đối với các loại hàng hóa quá cảnh theo giấy phép khác.

2. Đối với hàng quá cảnh không cần xin giấy phép của Bộ Thương mại, việc gia hạn thời gian

quá cảnh được thực hiện trên cơ sở văn bản đề nghị của chủ hàng quá cảnh Campuchia hoặc người chuyên chở gửi Cục Hải quan tỉnh, thành phố đang giám sát lô hàng trước khi đến hạn xuất ra khỏi Việt Nam.

3. Chủ hàng quá cảnh Campuchia được phép tự vận chuyển và làm thủ tục quá cảnh hoặc thuê doanh nghiệp Việt Nam thực hiện trong trường hợp hàng hóa quá cảnh bằng đường bộ. Trong trường hợp hàng hóa quá cảnh bằng đường thủy thì chủ hàng quá cảnh Campuchia được phép tự vận chuyển và làm thủ tục quá cảnh hoặc thuê doanh nghiệp Việt Nam, hoặc doanh nghiệp nước thứ ba thực hiện.

4. Chủ hàng quá cảnh Campuchia hoặc người chuyên chở phải xuất trình cho hải quan cửa khẩu Việt Nam các văn bản sau:

4.1. Các chứng từ hàng hóa có liên quan theo quy định của Tổng cục Hải quan.

4.2. Giấy phép quá cảnh và/ hoặc văn bản gia hạn Giấy phép quá cảnh của Bộ Thương mại (trường hợp quá cảnh theo giấy phép).

4.3. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt Nam - Campuchia do cơ quan có thẩm quyền ngành giao thông vận tải cấp (nếu có).

4.4. Văn bản của Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh thành phố cho phép lưu kho, lưu bãi trên 30 ngày, thay đổi phương tiện vận chuyển hoặc thay đổi bao bì hàng hóa (nếu có); văn bản cho phép gia hạn quá cảnh (nếu có).

4.5. Trường hợp chủ hàng quá cảnh Campuchia thuê doanh nghiệp Việt Nam hoặc doanh nghiệp nước thứ ba làm dịch vụ vận chuyển hàng quá cảnh thì ngoài các hồ sơ nêu tại điểm 4.1, 4.2, 4.3, 4.4 nói trên, doanh nghiệp Việt Nam hoặc doanh nghiệp nước thứ ba phải xuất trình thêm cho cơ quan hải quan hợp đồng vận chuyển hàng hóa quá cảnh ký với chủ hàng quá cảnh Campuchia hoặc đại lý giao nhận được chủ hàng quá cảnh Campuchia ủy nhiệm.

5. Các phương tiện vận tải của Việt Nam,

Campuchia hoặc nước thứ ba tham gia vận chuyển hàng hóa quá cảnh bằng đường bộ, đường thủy đều phải tuân thủ Hiệp định Vận tải đường bộ ký ngày 01 tháng 6 năm 1998 và Hiệp định Vận tải đường thủy ký ngày 13 tháng 12 năm 1998 giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Vương quốc Campuchia và các quy định khác có liên quan của Việt Nam.

IV. NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC

1. Việc thay đổi tuyến đường vận chuyển hoặc cửa khẩu xuất, nhập hàng hóa quá cảnh sẽ do Bộ Thương mại xem xét giải quyết (nếu là hàng quá cảnh theo giấy phép) hoặc do Cục Hải quan tỉnh, thành phố đang giám sát lô hàng xem xét giải quyết (nếu là hàng quá cảnh thông thường) trên cơ sở văn bản đề nghị của chủ hàng quá cảnh Campuchia.

2. Trong quá trình vận chuyển, lưu kho trên lãnh thổ Việt Nam nếu hàng hóa quá cảnh có sự cố (đổ vỡ, mất mát, hư hỏng...) thì chủ hàng quá cảnh Campuchia (hoặc doanh nghiệp vận chuyển) phải kịp thời thông báo cho hải quan (nơi nào không có hải quan thì thông báo cho chính quyền địa phương nơi gần nhất từ cấp xã trở lên) nơi xảy ra sự cố lập biên bản xác nhận tình trạng hàng hóa. Biên bản xác nhận sự cố là cơ sở để hải quan cửa khẩu xuất hàng làm thủ tục xuất khẩu cho lô hàng.

3. Tranh chấp phát sinh giữa các doanh nghiệp Việt Nam và chủ hàng quá cảnh Campuchia trong quá trình thực hiện hợp đồng vận chuyển hàng hóa quá cảnh sẽ do các bên giải quyết thông qua thương lượng. Nếu thương lượng không đạt được kết quả thì tranh chấp sẽ do Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam giải quyết.

4. Việc thanh toán lệ phí và chi phí phát sinh từ hoạt động quá cảnh sẽ được thực hiện phù hợp với các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt

Nam về thanh toán các dịch vụ với nước ngoài và các văn bản có liên quan của Nhà nước Việt Nam.

5. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Quy chế này sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành của Việt Nam./.

THÔNG TƯ số 22/2000/TT-BTM ngày 15/12/2000 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam về xuất nhập khẩu và các hoạt động thương mại khác của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Căn cứ Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 5403/VPCP-QHQT ngày 11/12/2000 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến Thủ tướng Chính phủ về ban hành Thông tư của Bộ Thương mại hướng dẫn Nghị định số 24/2000/NĐ-CP ngày 31/7/2000;

Sau khi trao đổi với các Bộ, ngành hữu quan, Bộ Thương mại hướng dẫn thực hiện xuất nhập khẩu và hoạt động thương mại khác của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Đối tượng áp dụng.

Doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, dưới đây gọi chung là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.